

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2996 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch thực hiện năm 2026 của dự án
“Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp Việt Nam của Liên minh châu Âu” sử dụng vốn
ODA không hoàn lại của Liên minh châu Âu thông qua
Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 242/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/9/2025 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài; Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2855/QĐ-BNNMT ngày 25/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3882/QĐ-BNNMT ngày 22/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật: “Hỗ trợ ngành lâm nghiệp Việt Nam của Liên minh châu Âu” sử dụng vốn ODA không hoàn lại thông qua Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ);

Xét đề nghị của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tại Văn bản số 559/LNKL-SDR ngày 13/3/2026 về việc Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch năm 2026 của dự án “Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp Việt Nam của Liên minh châu Âu” sử dụng vốn ODA không hoàn lại; Văn bản số 922/LNKL-SDR ngày 14/4/2026 về việc tiếp

thu giải trình ý kiến của Vụ Kế hoạch - Tài chính về Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch năm 2026 của dự án Lâm nghiệp do Liên minh châu Âu tài trợ; Văn bản số 1770/LNKL-SDR ngày 24/6/2026 và Văn bản số 2173/LNKL-SDR ngày 27/7/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch thực hiện năm 2026 của dự án “Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp Việt Nam của Liên minh châu Âu”.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch thực hiện năm 2026 của dự án “Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp Việt Nam của Liên minh châu Âu” sử dụng vốn ODA không hoàn lại của Liên minh châu Âu thông qua Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) (Phụ lục I, II kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

1. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (Chủ dự án):

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về việc tổ chức triển khai và kết quả thực hiện dự án theo Văn kiện dự án được phê duyệt và tuân thủ quy định tại Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài; Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Phối hợp với Nhà tài trợ: (i) Tổ chức triển khai dự án theo đúng Văn kiện dự án đã được phê duyệt, bảo đảm tiến độ, chất lượng và mục tiêu đề ra; (ii) Theo dõi, giám sát việc thực hiện dự án, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Nhà tài trợ; (iii) Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, thiết thực các kết quả của dự án.

- Trong phạm vi phân cấp, quyết định phê duyệt dự toán chi tiết nguồn vốn thực hiện dự án hàng năm theo quy định tại Quyết định số 5531/QĐ-BNNMT ngày 19/12/2025 ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các cơ quan có liên quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo đúng quy định về quản lý ODA và Quyết định số 2855/QĐ-BNNMT ngày 25/7/2025 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế

hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ; Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm;
 Chủ tịch UBND các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Đắk Lắk, Gia Lai và Quảng Ngãi;
 Giám đốc Ban Quản lý dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách
 nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Trịnh Việt Hùng (đề b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh:
 Điện Biên, Sơn La, Đắk Lắk, Gia Lai và
 Quảng Ngãi;
- Văn phòng GIZ Việt Nam;
- Lưu: VT, HTQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
 THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Quốc Trị

Phụ lục I
KẾ HOẠCH TỔNG THỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Quy đổi theo tỷ giá tạm tính là 1 EUR = 29.822 VND do KBNN công bố tại Văn bản số 1051/TB-KBNN ngày 27/02/2026

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)						
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
A	KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH																						
	TỔNG CỘNG (VND)	603.850	20.000	596.440	7.410	1.205	35.936	850	4.450	132.708	1.539	5.038	150.243	1.612	4.781	142.579	1.602	4.526	134.974	1.807			
I	DO NHÀ TÀI TRỢ TRỰC TIẾP QUẢN LÝ THỰC HIỆN [1]		20.000	596.440		1.205	35.936		4.450	132.708		5.038	150.243		4.781	142.579		4.526	134.974				
1	Chi phí Kiểm toán và đánh giá do EU trực tiếp quản lý		500	14.911		100	2.982		100	2.982		100	2.982		100	2.982		100	2.982				
2	Chi phí thực hiện dự án do Tổ chức GIZ trực tiếp quản lý		19.500	581.529		1.105	32.953		4.350	129.726		4.938	147.261		4.681	139.597		4.426	131.992				
Đầu ra 1	Kế hoạch quản lý rừng bền vững, toàn diện và nhạy cảm với khí hậu, bao gồm các giải pháp hỗ trợ thích		2.580	76.941		416	12.406		510	15.209		584	17.416		560	16.700		510	15.209				

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	ứng với BDKH bằng các nguồn thu nhập thay thế được thí điểm xây dựng cho các chủ rừng tham gia dự án																						
Đầu ra 2	Các mô hình cảnh quan phục hồi bề chứa các-bon và thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính thông qua QLRBV đa mục đích được đánh giá và nhân rộng ở hai khu vực mục tiêu của dự án		3.880	90		130	3.877		904	26.959		1027	30.627		914	27.257		905	26.989				
Đầu ra 3	Các biện pháp bảo vệ rừng hiệu quả, hợp tác và thích ứng được đánh giá và nhân rộng ở các cảnh quan và cộng đồng được lựa chọn để giảm khai thác rừng, lấn chiếm, sử dụng đất rừng trái phép		2.730	81.414		0	0		645	19.235		735	21.919		697	20.786		653	19.474				
Đầu ra 4	Năng lực về sản xuất, tổ chức		3.280	97.816		221	6.591		708	21.114		831	24.782		795	23.708		725	21.621				

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +17 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	nguồn nhân lực và kiến thức về lập kế hoạch kinh doanh và đầu tư liên quan đến NDC, VNTLAS, EVFTA và EUDR của các nhóm đối tượng mục tiêu tại các tỉnh được lựa chọn được tăng cường trong đó đảm bảo có sự tham gia của phụ nữ																						
Đầu ra 5	Các hệ thống hỗ trợ về công nghệ thông tin và truyền thông để theo dõi diễn biến rừng, thực hiện các đóng góp do quốc gia tự quyết định, truy xuất nguồn gốc lâm sản và thị trường cho lâm sản được phát triển và thí điểm tại các địa bàn dự án		2.680	79.923		130	3.877		606	18.072		674	20.100		664	19.802		606	18.072				

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đầu ra 6	Các hỗ trợ giúp hoàn thiện khung chính sách và tổ chức thực hiện nhằm tăng cường bảo tồn, phục hồi và quản lý rừng bền vững, đồng thời thúc đẩy các chuỗi giá trị dựa vào rừng bền vững về mặt xã hội- môi trường và nhạy cảm với khí hậu được triển khai		2.420	72.169		208	6.203		529	15.776		587	17.506		568	16.939		528	15.746				
Đầu ra 7	Các nghiên cứu khả thi về các yêu cầu đối với các chuỗi giá trị dựa vào rừng và nhạy cảm với khí hậu ở cấp độ cảnh quan và cấp vùng được thực hiện và sẵn sàng cho các hoạt động đầu tư		1.930	57.556		0	0		448	13.360		500	14.911		483	14.404		499	14.881				
II	DO CHỦ DỰ ÁN THỰC HIỆN (Vốn đối ứng)				7.410			850			1.539			1.612			1.602			1.807			

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
2.1	Chi phí hoạt động Ban Quản lý dự án (công làm ngoài giờ của 05 cán bộ Cục tham gia dự án, trung bình 4200 giờ/năm, văn phòng, chi phí hành chính..)				1.708			263			320			363			383			379			
2.2	Chi phí hoạt động giám sát và đánh giá; hướng dẫn kiểm tra hoạt động dự án; nghiệm thu, bàn giao, quyết toán của dự án (các chuyển công tác của BQLDA và các bên liên quan để kiểm tra giám sát hoạt động của DA tại địa phương)				1.698			186			363			410			393			346			
2.3	Chi phí hội thảo, hội nghị, tập huấn nghiệp vụ quản lý và thực hiện chương trình, dự án				1.939			168			390			405			361			616			

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
2.4	Chi phí tuyên truyền, quảng cáo chương trình, dự án và các hoạt động cộng đồng				2.065			233			466			434			466			466			
B	KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG																						
I	VỐN VIỆN TRỢ																						
Đầu ra 1	Kế hoạch quản lý rừng bền vững, toàn diện và nhạy cảm với khí hậu, bao gồm các giải pháp hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu bằng các nguồn thu nhập thay thế được thí điểm xây dựng cho các chủ rừng tham gia dự án.		2.580	76.941		416	12.406		510	15.209		584	17.416		560	16.700		510	15.209				

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
1.1	Thực hiện các đánh giá nhanh để xây dựng hồ sơ thông tin cơ bản và xác định các khoảng trống thông tin cần nghiên cứu sâu cho từng chủ rừng (về kinh tế, xã hội, chuỗi giá trị dựa vào rừng, sức khỏe và chức năng hệ sinh thái)					x	x		x	x											11 báo cáo kết quả đánh giá nhanh làm cơ sở cho xây dựng hồ sơ thông tin nền của 11 chủ rừng	Tổ tư vấn cấp tỉnh	5 tỉnh dự án
1.2	Thực hiện các nghiên cứu sâu để hoàn thiện bộ dữ liệu thông tin cho từng chủ rừng					x	x		x	x											Các báo cáo nghiên cứu sâu về các nội dung được xác định ở hoạt động 1	Tổ tư vấn cấp tỉnh, Chủ rừng	5 tỉnh dự án
1.3	Thực hiện đánh giá trữ lượng các-bon của các chủ rừng (cập nhật trữ lượng các-bon đối với các chủ rừng thuộc các tỉnh thực hiện kiểm kê rừng)					x	x		x	x											11 báo cáo kết quả đánh giá, đo lường trữ lượng các-bon hàng năm cho	Tổ tư vấn cấp tỉnh, Chủ rừng	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)						
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					11 chủ rừng		
1.4	Thực hiện đánh giá về quản trị rừng và công bằng đối với các chủ rừng nhằm cung cấp thông tin cho việc xây dựng hoặc điều chỉnh các phương án QLRBV					x	x														11 báo cáo về hiện trạng quản trị rừng của 11 chủ rừng	Tổ tư vấn cấp tỉnh	5 tỉnh dự án
1.5	Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đạt mục tiêu quản lý rừng bền vững (QLRBV), phục hồi bể chứa các-bon, tăng hấp thụ các-bon và thích ứng biến đổi khí hậu					x	x		x	x											01 báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về giải pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nhằm QLRBV, phục hồi bể chứa các-bon, tăng hấp thụ các-	Chủ rừng	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					bon và thích ứng biến đôi khí hậu		
1.6	Đánh giá nhu cầu tài chính để hướng tới mục tiêu tự chủ hoặc tự chủ một phần tài chính và tiềm năng đa dạng hóa nguồn thu cho hoạt động quản lý, bảo vệ và bảo tồn tài nguyên rừng cho 11 chủ rừng					x	x		x	x											01 báo cáo đánh giá nhu cầu tài chính hướng tới mục tiêu tự chủ hoặc tự chủ một phần tài chính và tiềm năng đa dạng hóa nguồn thu cho hoạt động quản lý và bảo tồn tài nguyên rừng	Tổ tư vấn cấp tỉnh, Chủ rừng	5 tỉnh dự án
1.7	Xây dựng, rà soát, điều chỉnh Phương án QLRBV thành					x	x		x	x											11 Phương án QLRBV	Tổ tư vấn cấp tỉnh	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)						
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	Phương án QLRBV trong đó tích hợp các giải pháp quản lý thích ứng với BĐKH, tiếp cận cảnh quan, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, tăng trữ lượng các-bon và PTRBV cho 11 chủ rừng																				được rà soát và tích hợp các giải pháp quản lý thích ứng với BĐKH, tiếp cận cảnh quan, tăng trữ lượng các-bon		
1.8	Xây dựng phương án phát triển lâm sản ngoài gỗ, cây được liệu trong rừng trong đó tích hợp các giải pháp quản lý thích ứng với biến đổi khí hậu, tiếp cận cảnh quan, tăng trữ lượng các-bon và PTRBV cho 11 chủ rừng					x	x		x	x											Đề án phát triển lâm sản ngoài gỗ được rà soát và tích hợp các giải pháp quản lý thích ứng với biến đổi khí hậu, tiếp cận cảnh quan, tăng trữ	Tổ tư vấn cấp tỉnh	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					lượng các-bon cho các chủ rừng được lựa chọn triển khai mô hình về lâm sản ngoài gỗ.		
1.9	Xây dựng, rà soát, điều chỉnh Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng trong đó tích hợp các giải pháp quản lý thích ứng với BĐKH, tiếp cận cảnh quan, nâng cao thu nhập và PTRBV cho 11 chủ rừng					x	x		x	x											Đề án du lịch sinh thái được rà soát và tích hợp các giải pháp quản lý thích ứng với biến đổi khí hậu, tiếp cận cảnh quan, tăng trữ lượng các-bon cho các chủ rừng được lựa	Tổ tư vấn cấp tỉnh, Chủ rừng	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					chọn triển khai mô hình về du lịch sinh thái		
Đầu ra 2	Các mô hình cảnh quan phục hồi bể chứa các - bon và thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính thông qua QLRBV đa mục đích được đánh giá và nhân rộng ở hai khu vực mục tiêu của dự án		3.880	90		130	3.877		904	26.959		1027	30.627		914	27.257		905	26.989				
2.1	Nghiên cứu, thiết kế, lựa chọn và xây dựng hướng dẫn thực hiện các mô hình với các chủ rừng					x	x		x	x		x	x		x	x					07 loại mô hình được mô tả và có hướng dẫn thực hiện	Tổ tư vấn cấp tỉnh, Chủ rừng	5 tỉnh dự án
2.2	Xây dựng và triển khai các mô hình về phát triển, sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu								x	x		x	x		x	x					Tối đa 11 mô hình phát triển và sử dụng bền vững	Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng nhận khoán	5 tỉnh vùng dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)						
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					lâm sản ngoài gỗ của các chủ rừng được lựa chọn		
2.3	Xây dựng và triển khai các mô hình về phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí gắn với sử dụng rừng bền vững								x	x		x	x		x	x					Tối đa 11 mô hình phát triển du lịch sinh thái gắn với sử dụng rừng bền vững của các chủ rừng được lựa chọn	Tổ tư vấn cấp tỉnh, tư vấn, cộng đồng nhận khoán	5 tỉnh dự án
2.4	Xây dựng và triển khai các mô hình về phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và bảo tồn đa dạng sinh học nhằm tăng khả năng chống chịu biến đổi khí hậu và tăng trữ lượng các-bon của rừng								x	x		x	x		x	x		x	x		Tối đa 11 cộng đồng thực hiện thử nghiệm và phát triển mô hình phục hồi, nâng cao chất	Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng nhận khoán	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					lượng rừng và bảo tồn đa dạng sinh học nhằm tăng khả năng chống chịu BĐKH và tăng trữ lượng các-bon của rừng		
2.5	Xây dựng và triển khai các mô hình liên kết và hỗ trợ phát triển sinh kế giữa chủ rừng với các hộ gia đình của cộng đồng dân cư sống xung quanh rừng trong thực hiện QLRBV								x	x		x	x		x	x					Tối đa 11 mô hình liên kết và hỗ trợ phát triển sinh kế giữa chủ rừng với các hộ gia đình của cộng đồng trong thực hiện QLRBV	Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng có liên quan	5 tỉnh dự án
2.6	Hỗ trợ các chủ								x	x		x	x	x		x					Tối đa	Tổ tư	5 tỉnh

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	rừng triển khai hoạt động giám sát đa dạng sinh học																				11 mô hình giám sát đa dạng sinh học của chủ rừng được triển khai thực hiện	vấn cấp tỉnh, cộng đồng nhận khoán	dự án
2.7	Hỗ trợ các mô hình vườn ươm giống cây bản địa cho hoạt động lưu giữ nguồn gen, phục hồi rừng và bảo tồn đa dạng sinh học								x	x		x	x	x		x					09 mô hình vườn ươm giống cây bản địa cho hoạt động lưu giữ nguồn gen, phục hồi rừng và bảo tồn đa dạng sinh học	Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng nhận khoán	5 tỉnh dự án
2.8	Xây dựng kế hoạch chi tiết và hỗ trợ triển khai mô hình thí điểm tiếp cận và sử								x	x		x	x		x	x					11 bản kế hoạch chi tiết cho chủ rừng	Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	dụng nguồn tài chính mới cho chủ rừng																				thí điểm tiếp cận và sử dụng nguồn tài chính mới; hỗ trợ ít nhất cho 04 chủ rừng tiếp cận được với nguồn tài chính mới	nhận khoản	
2.9	Đánh giá, tổng kết và chia sẻ kết quả các mô hình tới các chủ rừng khác														x	x		x	x		08 báo cáo đánh giá và tổng kết mô hình; Các lớp tập huấn/sự kiện/hội thảo chia sẻ mô hình cho các chủ rừng tại 05 tỉnh thí điểm	Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng có liên quan	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
2.10	Tổ chức các sự kiện kết nối, tuyên truyền (liên quan đến phát triển chuỗi giá trị lâm sản ngoài gỗ, du lịch sinh thái dựa vào rừng, tài chính bền vững, đánh giá các-bon, v.v.) và chia sẻ kiến thức về các bài học thành công											x	x		x	x		x	x		Ít nhất 05 sự kiện kết nối (liên quan đến phát triển chuỗi giá trị lâm sản ngoài gỗ, du lịch sinh thái dựa vào rừng, tài chính bền vững, đánh giá các-bon, v.v.) và chia sẻ kiến thức về các bài học thành công	Chính quyền địa phương, Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng có liên quan	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	
						2026			2027			2028			2029			2030						
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)						
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
Đầu ra 3	Các biện pháp bảo vệ rừng hiệu quả, hợp tác và thích ứng được đánh giá và nhân rộng ở các cảnh quan và cộng đồng được lựa chọn để giảm khai thác rừng, lấn chiếm, sử dụng đất rừng trái phép		2.730	81.414		0	0		645	19.235		735	21.919		697	20.786		653	19.474					
3.1	Rà soát, đánh giá các mô hình hiệu quả về tuân tra và bảo vệ rừng có sự tham gia của cộng đồng					x	x														11 báo cáo rà soát, đánh giá các mô hình hiệu quả về tuân tra và bảo vệ rừng có sự tham gia của cộng đồng của 11 chủ rừng	Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng nhận khoán	5 tỉnh dự án	
3.2	Đánh giá các tiềm năng mở rộng các dịch vụ môi trường rừng và								x	x		x	x								11 báo cáo đánh giá các tiềm	Tổ tư vấn cấp tỉnh	5 tỉnh dự án	

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	xác định các đối tượng chi trả dịch vụ môi trường rừng mới																				năng mở rộng các dịch vụ môi trường rừng và xác định các đối tượng chi trả dịch vụ môi trường rừng mới		
3.3	Hỗ trợ xây dựng kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng có sự tham gia của cộng đồng từ các nguồn lực tài chính sẵn có của chủ rừng								x	x		x	x								11 kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng có sự tham gia của cộng đồng từ các nguồn lực tài chính sẵn có của chủ rừng cho 11 chủ rừng	Tổ tư vấn cấp tỉnh	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
3.4	Hỗ trợ tổ chức hoạt động tuần tra bảo vệ rừng có sự tham gia của cộng đồng và tích hợp dữ liệu tuần tra, giám sát tài nguyên rừng nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ rừng								x	x		x	x		x	x					Tối đa 21 cộng đồng triển khai thí điểm và phát triển mô hình tuần tra bảo vệ rừng và tích hợp dữ liệu tuần tra, giám sát tài nguyên rừng nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ rừng	Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng nhận khoán	5 tỉnh dự án
3.5	Hỗ trợ các chủ rừng và cơ quan lâm nghiệp địa phương ứng dụng công cụ số hoặc công nghệ mới trong hoạt động tuần tra, bảo vệ rừng								x	x		x	x		x	x		x	x		11 chủ rừng và 05 cơ quan lâm nghiệp cấp tỉnh được hỗ trợ công	Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng nhận khoán	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)						
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					cụ hoặc công nghệ mới trong hoạt động tuần tra, bảo vệ rừng		
Đầu ra 4	Năng lực về sản xuất, tổ chức nguồn nhân lực và kiến thức về lập kế hoạch kinh doanh và đầu tư liên quan đến NDC, VNTLAS, EVFTA và EUDR của các nhóm đối tượng mục tiêu tại các tỉnh được lựa chọn được tăng cường trong đó đảm bảo có sự tham gia của phụ nữ		3.280	97.816		221	6.591		708	21.114		831	24.782		795	23.708		725	21.621				
4.1	Đánh giá thực trạng năng lực, xác định nhu cầu của các đối tượng					x	x														01 báo cáo đánh giá thực trạng	Cục LNK, Sở NN và MT,	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	mục tiêu nhằm thiết kế các chương trình tập huân nâng cao năng lực																				năng lực, nhu cầu của các đối tượng mục tiêu để thiết kế các chương trình tập huân nâng cao năng lực	Tổ tư vấn cấp tỉnh	
4.2	Xây dựng chương trình tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho chủ rừng và các bên liên quan về quản lý, bảo vệ, và phát triển rừng								x	x		x	x								01 bộ chương trình và tài liệu tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho chủ rừng và các bên liên quan về quản lý, bảo vệ, và phát triển rừng	Cục LNKL, Sở NN và MT, Tổ tư vấn cấp tỉnh	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
4.3	Tổ chức các lớp TOT (về phương pháp và nội dung tập huấn)																			08 lớp TOT về phương pháp và nội dung tập huấn	Cục LNKL, Sở NN và MT, Tổ tư vấn cấp tỉnh	5 tỉnh dự án	
4.4	Tổ chức các khóa tập huấn liên quan tới các hoạt động trong Kết quả 01 cho các chủ rừng và đối tượng liên quan											x	x		x	x				40 lớp tập huấn liên quan tới các hoạt động trong Kết quả 01 cho các chủ rừng và đối tượng liên quan	Chủ rừng, Cục LNKL, Sở NN và MT, Tổ tư vấn cấp tỉnh	5 tỉnh dự án	
4.5	Đánh giá tác động của các khóa tập huấn đã được triển khai tại hoạt động 4.3 & 4.4														x	x				02 báo cáo đánh giá tác động của các khóa tập huấn đã được triển khai tại hoạt động 4.3 & 4.4	Cục LNKL, Sở NN và MT, Tổ tư vấn cấp tỉnh, Chủ rừng	5 tỉnh dự án	

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
4.6	Tổ chức trao đổi/tham quan học tập về các mô hình điểm trong công tác quản lý rừng và tham dự các sự kiện/trao đổi về phát triển lâm nghiệp tại Việt Nam và Thế giới								x	x		x	x		x	x		x	x		Ít nhất 01 chuyến tham quan học tập nước ngoài hàng năm và các chuyến tham dự các sự kiện/trao đổi về phát triển lâm nghiệp của Việt Nam và thế giới	Tổ tư vấn cấp tỉnh, chủ rừng	5 tỉnh dự án
4.7	Xây dựng, hướng dẫn và hỗ trợ các chủ rừng phương pháp đánh giá các-bon											x	x		x	x		x	x		01 tài liệu hướng dẫn và các báo cáo đánh giá trữ lượng các-bon cho 11 chủ rừng	Cục LNKL, Sở NN và MT	5 tỉnh dự án
4.8	Thực hiện hoạt động truyền					x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		Các sản phẩm	Tổ tư vấn cấp	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)						
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ, bảo tồn và quản lý rừng bền vững ở các cấp																				truyền thông nghe, nhìn (phóng sự, tin bài, video, áp phích...) và các sự kiện truyền thông được tổ chức ở cấp trung ương và địa phương nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng và chia sẻ và nhân rộng kết quả của dự án.	tỉnh, chủ rừng	

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đà u ra 5	Các hệ thống hỗ trợ về công nghệ thông tin và truyền thông để theo dõi diễn biến rừng, thực hiện các đóng góp do quốc gia tự quyết định, truy xuất nguồn gốc lâm sản và thị trường cho lâm sản được phát triển và thí điểm tại các địa bàn dự án		2.680	79.923		130	3.877		606	18.072		674	20.100		664	19.802		606	18.072				
5.1	Đánh giá và đề xuất giải pháp để sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin và dữ liệu hiện có của Cục LN&KL để phù hợp với Khung cấu trúc điện tử của Chính phủ và Bộ NN&MT								x	x										01 báo cáo đánh giá và đề xuất giải pháp để sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin và dữ liệu hiện có của Cục LNKL để phù hợp với Khung cấu trúc	Cục LNKL, Sở NN và MT	Hà Nội và các tỉnh dự án	

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					điện tử của Chính phủ và Bộ NN&M T		
5.2	Xây dựng cơ chế duy trì và vận hành FORMIS và cải thiện quy trình làm việc để sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin được cập nhật, xác thực								x	x											Cơ chế duy trì và vận hành FORMI S và cải thiện quy trình làm việc để sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin được cập nhật, xác thực được triển khai thực hiện	Cục LNKL	Hà Nội và các tỉnh dự án
5.3	Thiết kế ứng dụng phục vụ tích hợp QLRBV và thực thi EUDR, đặc biệt là mở rộng								x	x		x	x		x	x		x	x		02 phần mềm ứng dụng để tích hợp	Cục LNKL, Sở NNMT, Tổ tư	Hà Nội và các tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	cấp quyền truy cập và cập nhật cho các chủ rừng																				QLRBV và thực thi EUDR	vấn cấp tỉnh, chủ rừng, cộng đồng có liên quan	
5.4	Cập nhật bản đồ hiện trạng rừng của các chủ rừng					x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		11 bản đồ cập nhật hiện trạng rừng của 11 chủ rừng	Sở NN và MT	Hà Nội và các tỉnh
5.5	Hỗ trợ 11 chủ rừng cập nhập dữ liệu đầu vào theo yêu cầu của hệ thống quản lý số về lâm nghiệp hiện hành								x	x		x	x								Kết quả cập nhật dữ liệu đầu vào theo yêu cầu của hệ thống quản lý số về lâm nghiệp hiện hành	Tổ tư vấn cấp tỉnh, cộng đồng có liên quan	Hà Nội và các tỉnh
5.6	Nâng cấp trang thiết bị hiện có ở cấp trung ương theo yêu cầu quản trị hệ thống máy																				Hệ thống thiết bị nâng cấp đáp ứng	Cục LNKL	Hà Nội và các tỉnh

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	chủ và trích xuất báo cáo																				yêu cầu quản trị hệ thống máy chủ và trích xuất báo cáo		
Đầu ra 6	Các hỗ trợ giúp hoàn thiện khung chính sách và tổ chức thực hiện nhằm tăng cường bảo tồn, phục hồi và quản lý rừng bền vững, đồng thời thúc đẩy các chuỗi giá trị dựa vào rừng bền vững về mặt xã hội- môi trường và nhạy cảm với khí hậu được triển khai		2.420	72.16 9		208	6.203		529	15.776		587	17.506		568	16.939		528	15.746				
6.1	Nghiên cứu, rà soát và xác định các bất cập, chồng chéo và khoảng trống hiện có trong các quy định, hướng dẫn liên quan đến quản lý, phục hồi rừng, nâng cao					x	x		x	x		x									Ít nhất 05 báo cáo rà soát và xác định các bất cập, chồng chéo và khoảng	Văn phòng dự án của GIZ	Hà Nội và các tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	chất lượng rừng theo hướng tiếp cận cảnh quan và quản lý tổng hợp.																				trồng trong các quy định, hướng dẫn liên quan đến quản lý, phục hồi rừng, nâng cao chất lượng rừng theo hướng tiếp cận cảnh quan và quản lý tổng hợp		
6.2	Nghiên cứu xác định các bất cập, chồng chéo và khoảng trống hiện có trong các quy định, hướng dẫn liên quan đến phát triển chuỗi giá trị lâm sản ngoài gỗ và du lịch sinh thái nhằm phát huy giá trị đa dụng					x	x		x	x		x	x								Ít nhất 03 báo cáo xác định các bất cập, chồng chéo và khoảng trống hiện có trong các quy định,	Văn phòng dự án của GIZ	Hà Nội và các tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	của hệ sinh thái rừng.																				hướng dẫn liên quan đến phát triển chuỗi giá trị lâm sản ngoài gỗ và du lịch sinh thái nhằm phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng		
6.3	Nghiên cứu xác định các bất cập, chông chéo và khoảng trống hiện có trong các quy định, hướng dẫn liên quan đến cơ chế đầu tư vào rừng.					x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		Ít nhất 03 báo cáo xác định các bất cập, chông chéo và khoảng trống hiện có trong các quy định, hướng dẫn liên quan đến	Văn phòng dự án của GIZ	Hà Nội và các tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
						Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)			
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)				
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					cơ chế đầu tư vào rừng		
6.4	Hỗ trợ sửa đổi, bổ sung hướng dẫn liên quan đến quản lý, phục hồi rừng, nâng cao chất lượng rừng, quản lý rừng bền vững, thúc đẩy chuỗi giá trị lâm sản và du lịch sinh thái								x	x		x	x		x	x		x	x		Tối đa 10 dự thảo khung chính sách, quy định, hướng dẫn kỹ thuật được đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến quản lý, phục hồi rừng, nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững, thúc đẩy chuỗi	Văn phòng dự án của GIZ, chủ rừng,	Hà Nội và các tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					giá trị lâm sản và du lịch sinh thái được cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành.		
6.5	Phổ biến, tuyên truyền, chia sẻ và hướng dẫn cho các bên liên quan về nội dung hướng dẫn kỹ thuật mới ban hành trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ, sử dụng rừng, phát triển rừng và phát triển các chuỗi giá trị lâm sản và du lịch sinh thái					x	x		x	x		x	x		x	x		x	x		Hỗ trợ tối thiểu 10 hội nghị phổ biến, tuyên truyền, chia sẻ và hướng dẫn cho các bên liên quan về nội dung hướng dẫn kỹ thuật mới ban hành trong lĩnh vực	Sở NN và MT	Hà Nội và các tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					quản lý, bảo vệ, sử dụng rừng và phát triển các chuỗi giá trị lâm sản và DLST		
Đầu ra 7	Các nghiên cứu khả thi về các yêu cầu đối với các chuỗi giá trị dựa vào rừng và nhạy cảm với khí hậu ở cấp độ cảnh quan và cấp vùng được thực hiện và sẵn sàng cho các hoạt động đầu tư		1.930	57.55 6		0	0		448	13.360		500	14.911		483	14.404		499	14.881				

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
7.1	Nghiên cứu và xác định sản phẩm dựa vào rừng cho phát triển chuỗi giá trị đại diện cho 02 vùng sinh thái và xác định các lĩnh vực ưu tiên nghiên cứu nhằm đa dạng mục đích sử dụng các sản phẩm đó					x	x		x	x											02 báo cáo nghiên cứu xác định sản phẩm dựa vào rừng cho phát triển chuỗi giá trị đại diện cho 02 vùng Tây Bắc và Tây Nguyên	Cục LNKL, Sở NN và MT	5 tỉnh dự án
7.2	Thực hiện các nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm dựa vào rừng trọng điểm					x	x					x	x					x	x		02 báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm dựa vào rừng trọng điểm	Cục LNKL, Sở NN và MT	5 tỉnh dự án

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	
						2026			2027			2028			2029			2030						
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ				Đối ứng (triệu đồng)				
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)	Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)					
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
2	Giám sát và đánh giá; hướng dẫn kiểm tra hoạt động dự án; nghiệm thu, bàn giao, quyết toán của dự án (dự kiến 5 chuyến/năm công tác tại 5 tỉnh tham gia dự án (thành phần gồm BQLDA, các bên liên quan) để kiểm tra giám sát hoạt động tại địa phương và hoạt động nghiệm thu của dự án)							x			x			x			x			x	Báo cáo kết quả các chuyển công tác giám sát, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động dự án; Hồ sơ nghiệm thu sản phẩm dự án của BQLDA			
3	Hội thảo, hội nghị, tập huấn nghiệp vụ quản lý và thực hiện chương trình, dự án (dự kiến: 02 cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất/năm của BQLDA; tập huấn 02- 03 lớp/năm)							x			x			x			x			x	Khoảng 12 cuộc họp định kỳ/đợt xuất của BQLDA với các đơn vị; khoảng 10 lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp			

TT	Nội dung/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Tiến độ thực hiện/phân kỳ ngân sách															Kết quả/ sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện
						2026			2027			2028			2029			2030					
			Viện trợ			Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)					
			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)		Nguyên tệ (1000 EUR)	VND (triệu đồng)			
1	2	3=5+6	4=7 +10 +13 + 16 +19	5=8 +11 +14 +17 +20	6=9 +12 +15 +18 +21	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
																					vụ theo yêu cầu của chủ rừng		
4	Tuyên truyền, quảng cáo chương trình, dự án và các hoạt động cộng đồng (6 bài báo/năm và 1-2 phóng sự tuyên truyền/năm)							x			x			x			x			x	Khoản g 27 bài báo và 8 đến 9 phóng sự được thực hiện tuyên truyền về thực hiện chuỗi giá trị, quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng bền vững		

Phụ lục II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Quy đổi theo tỷ giá tạm tính là 1 EUR = 29.822 VND do KBNN công bố tại Văn bản số 1051/TB-KBNN ngày 27/02/2026

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Mã hoạt động	Hoạt động	Tổng số (triệu đồng)	Trong đó:			Tiến độ thực hiện				Sản phẩm dự kiến	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Địa điểm thực hiện
			Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
			Nguyên tệ (1.000 Euro)	VNĐ (triệu đồng)								
	thu nhập và phát triển bền vững cho 11 chủ rừng											
1.9a	Rà soát, đánh giá tiềm năng du lịch sinh thái và đề án du lịch sinh thái hiện có của chủ rừng nhằm thiết kế và xây dựng các mô hình du lịch sinh thái theo kết quả đầu ra số 2.							x	x	Hoàn thiện TOR và bắt đầu quy trình tuyển chọn tư vấn	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ. - Phối hợp: Tổ tư vấn cấp tỉnh, chủ rừng.	
Đầu ra 2	Các mô hình cảnh quan phục hồi bể chứa các - bon và thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính thông qua QLRBV đa mục đích được xem xét và nhân rộng ở hai vùng mục tiêu của dự án		130	3.877								
2.1	Nghiên cứu, thiết kế, lựa chọn và xây dựng hướng dẫn thực hiện các mô hình với các chủ rừng											
2.1a	Rà soát và mô tả 7 mô hình/ phương thức can thiệp và xây dựng các tiêu chí, quy trình thực hiện							x	x	Báo cáo về mô tả chung của 7 mô hình cho các chủ rừng	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ. - Phối hợp: Tổ tư vấn cấp tỉnh, chủ rừng.	11 khu rừng thí điểm tại 5 tỉnh dự án
Đầu ra 4	Năng lực về sản xuất, tổ chức nguồn nhân lực và kiến thức về lập kế hoạch kinh doanh và đầu tư liên quan đến NDC, VNTLAS, EVFTA và EUDR của các nhóm đối tượng mục tiêu tại các tỉnh được lựa chọn được tăng cường trong đó đảm bảo có sự tham gia của phụ nữ		221	6.591								
4.1	Đánh giá thực trạng năng lực, xác định nhu cầu của các đối tượng mục tiêu nhằm thiết kế các chương trình tập huấn nâng cao năng lực											
4.1a	Rà soát, đánh giá các tài liệu tập huấn, đào tạo liên quan hiện có							x	x	1 báo cáo tổng hợp về các tài	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ	Toàn quốc

Mã hoạt động	Hoạt động	Tổng số (triệu đồng)	Trong đó:			Tiến độ thực hiện				Sản phẩm dự kiến	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Địa điểm thực hiện
			Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
			Nguyên tệ (1.000 Euro)	VNĐ (triệu đồng)								
										liệu, mô-đun tập huấn hiện có	- Phối hợp: Cục LNK, Sở NN và MT các tỉnh, Tổ tư vấn cấp tỉnh; chủ rừng	
4.1b	Tổng hợp các yêu cầu về nâng cao năng lực của các chủ rừng và các bên liên quan khác để triển khai các mô hình và hoạt động can thiệp của dự án								x	Hoàn thiện TOR và tuyển dụng tư vấn		Trung ương, 11 khu rừng thí điểm tại 5 tỉnh
4.1c	Đánh giá/Tổng hợp nhu cầu tập huấn tổng thể cho các bên liên quan phục vụ cho việc triển khai các mô hình và các biện pháp can thiệp khác								x	Hoàn thiện TOR và tiến hành tuyển tư vấn		Trung ương, 11 khu rừng thí điểm tại 5 tỉnh
4.1d	Xây dựng, chuẩn hóa tài liệu đào tạo và tổ chức các lớp đào tạo về quản lý và cập nhật dữ liệu lâm nghiệp							x	x	01 bộ tài liệu tập huấn; 2 lớp tập huấn được triển khai và 02 báo cáo tập huấn	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Cục LNK, Sở NN và MT các tỉnh; các cơ quan liên quan	Toàn quốc
4.1e	Tập huấn triển khai các Văn bản pháp luật mới có liên quan cho cán bộ lâm nghiệp các cấp (tỉnh, xã) và các chủ rừng là tổ chức, bao gồm các nội dung: quản lý, bảo vệ rừng, cơ chế tài chính lâm nghiệp, giao rừng, nâng cao chất lượng rừng, sử dụng giá trị đa dụng của rừng...							x	x	02 Hội nghị được triển khai và 02 báo cáo kết quả Hội nghị	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Cục LNK, Sở NN và MT các tỉnh; cơ quan liên quan	Toàn quốc
4.8	Thực hiện hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ, bảo tồn và quản lý rừng bền vững ở các cấp											
4.8a	Xây dựng kế hoạch phổ biến và cập nhật thông tin ngành lâm nghiệp hướng đến công nhận và ghi nhận các giá trị của cảnh quan rừng và sử dụng tài nguyên rừng							x	x	- Báo cáo đánh giá thực trạng công tác tuyên truyền, phổ biến và nhu cầu của xã hội đối với thông tin ngành lâm nghiệp; 01	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Cục LNK; các cơ quan liên quan	Trung ương và các tỉnh

Mã hoạt động	Hoạt động	Tổng số (triệu đồng)	Trong đó:			Tiến độ thực hiện				Sản phẩm dự kiến	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Địa điểm thực hiện
			Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
			Nguyên tệ (1.000 Euro)	VND (triệu đồng)								
										Kế hoạch truyền thông ngành lâm nghiệp giai đoạn 2026 - 2030		
4.8b	Biên soạn, thiết kế, in ấn các tài liệu phổ biến các quy định trong lĩnh vực lâm nghiệp							x	x	01 cuốn sách tập hợp các văn bản pháp luật đăng tải online trên trang web của Cục LNKL và in ấn phát hành khoảng 100 cuốn	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Cục LNKL, cơ quan liên quan	Trung ương và các tỉnh
4.8c	Xây dựng sổ tay hỏi và đáp về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp							x	x	01 quyển sổ tay hỏi đáp	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Cục LNKL; các cơ quan liên quan	Trung ương và các tỉnh
Đầu ra 5	Các hệ thống hỗ trợ về công nghệ thông tin và truyền thông để theo dõi diễn biến rừng, thực hiện các đóng góp do quốc gia tự quyết định, truy xuất nguồn gốc lâm sản và thị trường cho lâm sản được phát triển và thí điểm tại các địa bàn dự án		130	3.877								
5.1	Đánh giá và đề xuất giải pháp để sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin và dữ liệu hiện có của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm để phù hợp với Khung cấu trúc điện tử của Chính phủ và Bộ NN&MT											
5.1 a	Nghiên cứu, cập nhật hiện trạng và tiềm năng/ kế hoạch sử dụng hệ thống thông tin và dữ liệu ngành lâm nghiệp và đề xuất nội dung, cấu trúc, trường thông tin và yêu cầu kỹ thuật để sử dụng đồng bộ							x	x	- 01 báo cáo đề dẫn hiện trạng hệ thống thông tin ngành LN - 01 Hội thảo	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Cục LNKL; các cơ quan	Trung ương

Mã hoạt động	Hoạt động	Tổng số (triệu đồng)	Trong đó:			Tiến độ thực hiện				Sản phẩm dự kiến	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Địa điểm thực hiện
			Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
			Nguyên tệ (1.000 Euro)	VND (triệu đồng)								
	trên toàn quốc									tham vấn.	liên quan	
5.4	Cập nhật bản đồ hiện trạng rừng của các chủ rừng											
5.4a	Rà soát diện tích hiện trạng rừng đáp ứng các quy định về chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) tại tỉnh Sơn La							x	x	Bản đồ diện tích rừng được rà soát gắn với EUDR của tỉnh Sơn La	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Tổ tư vấn cấp tỉnh, chủ rừng	Tỉnh Sơn La
Đầu ra 6	Các hỗ trợ giúp hoàn thiện khung chính sách và tổ chức được thực hiện nhằm tăng cường bảo tồn, phục hồi và quản lý rừng bền vững, đồng thời thúc đẩy các chuỗi giá trị dựa vào rừng bền vững về mặt xã hội - môi trường và nhạy cảm với khí hậu được triển khai		363	10.825								
6.1	Nghiên cứu, rà soát và xác định các bất cập, chồng chéo và khoảng trống hiện có trong các quy định, hướng dẫn liên quan đến quản lý, phục hồi rừng, nâng cao chất lượng rừng theo hướng tiếp cận cảnh quan và quản lý tổng hợp để đưa ra các khuyến nghị sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh											
6.1a	Thực hiện nghiên cứu để rà soát các thực tiễn tốt và đề xuất các mô hình nâng cao chất lượng rừng phòng hộ (các mô hình phục hồi rừng, để cung cấp thông tin cho Đầu ra 2)							x	x	01 báo cáo nghiên cứu, bao gồm các mô hình được khuyến nghị về nâng cao chất lượng rừng phòng hộ.	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Tổ tư vấn cấp tỉnh; chủ rừng; các cơ quan liên quan	Toàn quốc

Mã hoạt động	Hoạt động	Tổng số (triệu đồng)	Trong đó:			Tiến độ thực hiện				Sản phẩm dự kiến	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Địa điểm thực hiện
			Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
			Nguyên tệ (1.000 Euro)	VNĐ (triệu đồng)								
6.1b	Biên soạn, tổng hợp các mô hình đề xuất về quản lý, phục hồi rừng, nâng cao chất lượng rừng theo hướng tiếp cận cảnh quan của 3 loại rừng để cung cấp dữ liệu đầu vào cho 6.1d & 6.4							x	x	01 báo cáo tổng hợp, bao gồm các mô hình được khuyến nghị của 3 loại rừng, bao gồm nguồn lực cần thiết	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Tổ tư vấn cấp tỉnh; chủ rừng; các cơ quan liên quan	Toàn quốc
6.2	Nghiên cứu xác định các bất cập, chồng chéo và khoảng trống hiện có trong các quy định, hướng dẫn liên quan đến phát triển chuỗi giá trị lâm sản ngoài gỗ và du lịch sinh thái nhằm phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng để đưa ra các khuyến nghị sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh											
6.2a	Rà soát các quy định liên quan đến lâm sản ngoài gỗ và đưa ra các khuyến nghị							x	x	01 báo cáo, bao gồm khuyến nghị phát triển lâm sản ngoài gỗ	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Tổ tư vấn cấp tỉnh, chủ rừng	Trung ương, 11 khu rừng thí điểm tại 5 tỉnh
6.3	Nghiên cứu xác định các bất cập, chồng chéo và khoảng trống hiện có trong các quy định và hướng dẫn liên quan đến cơ chế đầu tư vào rừng để đưa ra các khuyến nghị sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh											
6.3a	Rà soát, đánh giá các nội dung liên quan sử dụng rừng, phát triển rừng, phân loại rừng, quyền và nghĩa vụ của chủ rừng									Báo cáo rà soát (bao gồm các tác động tiềm năng)	GIZ	Toàn quốc

Mã hoạt động	Hoạt động	Tổng số (triệu đồng)	Trong đó:			Tiến độ thực hiện				Sản phẩm dự kiến	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Địa điểm thực hiện
			Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
			Nguyên tệ (1.000 Euro)	VND (triệu đồng)								
6.5	Phổ biến, tuyên truyền, chia sẻ và hướng dẫn cho các bên liên quan về nội dung hướng dẫn kỹ thuật mới ban hành trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ, sử dụng rừng, phát triển rừng và phát triển các chuỗi giá trị lâm sản và du lịch sinh thái											
6.5a	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, sự kiện, họp tham vấn, phổ biến các hướng dẫn liên quan tới các bên liên quan ở các cấp khác nhau (bao gồm cả chủ rừng & cộng đồng)							x	x	Báo cáo tối đa 10 cuộc họp/sự kiện	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Cục LNKL; Sở NN và MT 05 tỉnh; tổ tư vấn cấp tỉnh; các cơ quan liên quan	Trung ương, 11 khu rừng thí điểm tại 5 tỉnh
6.5b	Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác ngành lâm nghiệp và hội nghị chuyên đề khác có liên quan toàn quốc và tại 5 tỉnh							x	x	Báo cáo kết quả tối đa 06 hội nghị	- Chủ trì: Cục LNKL, Ban QLDA - Phối hợp: GIZ; Tổ tư vấn cấp tỉnh; cơ quan liên quan	Trung ương; các tỉnh vùng dự án
6.5c	Tọa đàm tăng cường sự tham gia của thanh niên và phụ nữ trong quản lý bền vững tài nguyên rừng thích ứng với biến đổi khí hậu và thúc đẩy sinh kế bền vững tại vùng đệm Vườn quốc gia Yok Đôn"							x	x	Báo cáo 01 tọa đàm	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Cục LNKL, Vườn quốc gia York Đôn	Đắk Lắk
7	Quản lý dự án và lập kế hoạch (Kinh phí chia đều cho 7 Đầu ra)											
7.1a	Hội thảo khởi động dự án							x		Báo cáo hội thảo	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Cục LNKL; Vụ HTQT; Sở	Trung ương, 11 khu rừng thí điểm tại 5 tỉnh

Mã hoạt động	Hoạt động	Tổng số (triệu đồng)	Trong đó:			Tiến độ thực hiện				Sản phẩm dự kiến	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Địa điểm thực hiện
			Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
			Nguyên tệ (1.000 Euro)	VND (triệu đồng)								
											NN và MT; Tổ tư vấn cấp tỉnh, các chủ rừng	
7.1b	Hoàn thiện tổ chức, nhân sự của dự án					x	x	x	x	Ban QLDA, Ban chỉ đạo dự án; tổ tư vấn cấp tỉnh và nhân sự của dự án được tuyển dụng. Các biểu mẫu dự án được thống nhất	- Chủ trì: Cục LNK; GIZ - Phối hợp: Vụ HTQT, Vụ TCCB; Sở NN và MT và cơ quan liên quan.	Trung ương và 5 tỉnh thí điểm
7.1c	Lập bảng theo dõi và đánh giá để giám sát dự án							x	x	01 mẫu M&E và các biểu mẫu thông tin dữ liệu	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Tổ tư vấn cấp tỉnh.	Trung ương
7.1 d	Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát triển khai hoạt động của dự án tại các tỉnh định kỳ và đột xuất							x	x	Các cuộc làm việc, hướng dẫn kiểm tra định kỳ và đột xuất được triển khai	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Sở NN và MT các tỉnh, Chủ rừng; cơ quan liên quan	Trung ương và 5 tỉnh
7.1 đ	Hợp/tổng kết năm 2026 về tiến độ thực hiện dự án và lập kế hoạch năm tiếp theo							x	x	Báo cáo cuộc họp năm 2026 và lập kế hoạch 2027	- Chủ trì: Ban QLDA, GIZ - Phối hợp: Sở NNMT các tỉnh, Tổ tư vấn cấp tỉnh, Chủ rừng	Trung ương và 5 tỉnh
II	DO CHỦ DỰ ÁN THỰC HIỆN				850							
2.1	Làm thêm ngoài giờ của Ban Quản lý dự án (công làm ngoài giờ của 05 cán bộ Cục tham gia dự án, trung bình 200 giờ/năm, văn phòng, chi phí hành chính)				263			x	x	BQLDA được vận hành theo vị trí việc làm, phù hợp các nội dung dự án.	- Chủ trì: Ban QLDA - Phối hợp: Cục LNK	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm

Mã hoạt động	Hoạt động	Tổng số (triệu đồng)	Trong đó:			Tiến độ thực hiện				Sản phẩm dự kiến	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Địa điểm thực hiện
			Viện trợ		Đối ứng (triệu đồng)	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV			
			Nguyên tệ (1.000 Euro)	VND (triệu đồng)								
2.2	Giám sát và đánh giá; hướng dẫn kiểm tra hoạt động dự án; nghiệm thu, bàn giao, quyết toán của dự án				186			x	x	03 báo cáo kết quả công tác về kiểm tra, đánh giá, đơn đốc tiến độ thực hiện dự án và biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện các gói thầu (nếu có)	- Chủ trì: Ban QLDA - Phối hợp: Cục LNK, GIZ	Cục LNK và các tỉnh dự án
2.3	Hội thảo, hội nghị, tập huấn nghiệp vụ quản lý và thực hiện chương trình, dự án				168			x	x	01 Báo cáo tổ chức hội nghị/hội thảo, tập huấn và 01 báo cáo định kỳ/đợt xuất của BQLDA với các đơn vị có liên quan.	- Chủ trì: Ban QLDA - Phối hợp: Cục LNK, GIZ	Hà Nội và các tỉnh dự án
2.4	Tuyên truyền, quảng cáo chương trình, dự án và các hoạt động cộng đồng				233			x	x	03 bài báo, 01 video tuyên truyền về nội dung của dự án	- Chủ trì: Ban QLDA - Phối hợp: Cục LNK, GIZ	Hà Nội và các tỉnh dự án